

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HSPT

Ngày 27 tháng 03 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tồn

Các Thẩm phán:

Ông Trương minh Tuấn

Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Ngọc Kính - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 361/2018/TLPT-HS ngày 15/11/2018, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXPT ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Bị cáo kháng cáo

Hồ Sỹ T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1972 tại tỉnh Hải Dương. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần Nhân lực Quốc tế B; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Sỹ T và bà Tặng Thị T; vợ đã ly hôn: Nguyễn Thị T, có 02 con sinh các năm 2009, 2017; có 1 con ngoài giá thú sinh năm 2017 với bà Đặng Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 19/HSST ngày 16/3/1993 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hải Dương xử phạt 9 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân*”. Thi hành án tại Trại giam H, ra Trại ngày 22 tháng 9 năm 1993. Bản án số 153/HSST ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt 6 năm 9 tháng tù về các tội “*Trộm cắp tài sản XHCN*”; “*Giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan Nhà nước, của tổ chức xã hội*”; “*Chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan Nhà nước, của tổ chức xã hội*”. Thi hành án tại Trại giam X, ra Trại ngày 16/7/2003; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 05/12/2017 theo Quyết định truy nã số 01/QĐ-PC45 ngày 14/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình sau đó bị tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Sỹ T theo yêu cầu của Tòa án:

Luật sư Trương Văn B - Văn phòng Luật sư C, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Bình.

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt;
2. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1995, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;
3. Anh Phạm Q, sinh năm 1989, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt;
4. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1990, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt;
5. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1994, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt;
6. Anh Nguyễn M, sinh năm 1993, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt;
7. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1994, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt;
8. Anh Nguyễn T3 L3, sinh năm 1993, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;
9. Anh Phạm Minh T, sinh năm 1997, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;
10. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1989, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
11. Ông Mai Văn T1, sinh năm 1985, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt.
12. Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1994, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt.
13. Anh Phạm Văn Q1, sinh năm 1993, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
14. Anh Cao C, sinh năm 1984, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;
15. Ông Cao D, sinh năm 1992, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt.
16. Anh Cao N1, sinh năm 1994, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
17. Anh Nguyễn T3, sinh năm 1981, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt.
18. Anh Nguyễn Đ L4, sinh năm 1993, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt.
19. Anh Nguyễn Q2, sinh năm 1992, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
20. Anh Nguyễn D1, sinh năm 1994, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
21. Anh Cao Văn X, sinh năm 1993, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
22. Anh Cao C1, sinh năm 1993, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt.
23. Anh Phạm Văn S, sinh năm 1992, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
24. Anh Phạm Văn P1, sinh năm 1982, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;
25. Anh Nguyễn P2, sinh năm 1996, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

26. Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1985, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt.
27. Anh Hoàng T4, sinh năm 1993, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt;
28. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
29. Anh Mai Văn T5, sinh năm 1994, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt.
30. Anh Phạm Xuân S1, sinh năm 1980, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;
31. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, có mặt.
32. Anh Nguyễn Văn L5, sinh năm 1984, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
33. Anh Phạm H3, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
34. Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1993, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
35. Anh Mai Văn T6, sinh năm 1993, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
36. Anh Nguyễn Đ (đã chết); Người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Mai Thị T (sinh năm 1992 là vợ ông Nguyễn Đ, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình), vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của 36 người bị hại và là người được 35 người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Đ ủy quyền tham gia tố tụng: Luật sư Hồ Lý H - Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Bình,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991, là chị của bị hại Phạm H3, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
2. Chị Cao Thị H4, sinh năm 1994 là vợ của bị hại Nguyễn Văn H2, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
3. Anh Mai Thanh M1, sinh năm 1985, cư trú tại: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
4. Anh Dương Xuân T6, sinh năm 1988, cư trú tại: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;
5. Chị Đặng Thị H5, sinh năm 1988, cư trú tại: tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Hồ Sỹ T thành lập Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S, lần thay đổi 7 ngày 25/9/2015 T chuyển đổi Công ty của mình thành Công ty cổ phần Nhân lực Quốc tế B có trụ sở thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh do T làm Giám đốc. Mặc dù Công ty cổ phần Quốc tế B không có chức năng và được phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, nhưng T vẫn đến tỉnh Quảng Bình đưa ra thông tin gian dối là Công ty của mình có chức năng tuyển dụng để đào tạo nghề, dạy tiếng Hàn Quốc và đưa người lao động đi đánh cá tại Hàn Quốc; chi phí mỗi người 67.500.000 đồng, trong thời gian 03 tháng, nếu không đi được thì trả lại tiền. Tin lời giới thiệu của T thì đã có nhiều người ở thôn C đến số nhà 103 đường T6, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nơi Công ty cổ phần nhân lực Quốc tế B của T thuê đặt trụ sở) nộp tiền cọc làm hồ sơ đi đánh cá tại Hàn Quốc. Để tạo lòng tin, T mua phiếu thu tiền mẫu 01-TT và C30-BB ở ngoài thị trường tự do rồi chỉ đạo nhân viên là Mai Thanh M1; Bùi Văn Sơn; Nguyễn Thị Nhung; Phạm Văn Tú viết phiếu thu tiền, T ký tên và đóng dấu Công ty; T thuê Dương Xuân T6 (ở xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) môi giới người lao động cho T, mỗi bộ hồ sơ T hứa sẽ cho Dương Xuân T6 1.000.000 đồng.

Với hành vi như trên thì từ tháng 5/2015 đến tháng 8/2016 T đã thu tiền của 36 người đều trú tại tỉnh Quảng Bình với tổng số tiền 1.997.000.000 đồng và 7.200 USD, trong đó thu của người ít nhất 20.000.000 đồng và thu của người nhiều nhất 168.000.000 đồng, cụ thể: (1). Nguyễn Văn L 40.000.000 đồng; (2). Nguyễn Hữu H 67.000.000 đồng; (3). Phạm Q 60.000.000 đồng; (4). Nguyễn Văn L1 50.000.000 đồng; (5). Nguyễn Văn L2 66.500.000 đồng; (6). Nguyễn M 68.000.000 đồng; (7). Phạm Văn P 66.000.000 đồng; (8). Nguyễn T3 L3 67.500.000 đồng; (9). Phạm Minh T 67.000.000 đồng (10). Phạm Văn N 67.000.000 đồng; (11). Mai Văn T1 51.000.000 đồng (12). Phạm Văn T2 20.000.000 đồng và 2.100 USD (quy đổi 1 USD bằng 21.908 VND, thành tiền 46.006.800 đồng); tổng số tiền chiếm đoạt của ông Tuấn là 66.006.800 đồng; (13). Phạm Văn Q1 60.000.000 đồng; (14). Cao C 15.000.000 đồng và 2.100 USD (quy đổi 1 USD bằng 21.908 VND, thành tiền 46.006.800 đồng), tổng số tiền chiếm đoạt là 61.006.800 đồng; (15). Cao D 66.000.000 đồng; (16). Cao N1 61.000.000 đồng; (17). Nguyễn T3 60.000.000 đồng; (18). Nguyễn Đ L4 81.000.000 đồng; (19). Nguyễn Q2 60.000.000 đồng; (20). Nguyễn D1 66.000.000 đồng; (21). Cao Văn X 66.000.000 đồng (22). Cao C1 60.000.000 đồng; (23). Phạm Văn S 66.000.000 đồng (24). Phạm Văn P1 35.000.000 đồng; (25). Nguyễn P2 2.000USD (quy đổi 1 USD bằng 21.908 VND) thành tiền 43.816.000 đồng; (26). Nguyễn Văn N2 15.000.000 đồng và 1.000 USD (quy đổi 1 USD bằng 21.908 VND, thành tiền 21.908.000 đồng), tổng số tiền chiếm đoạt 36.908.000 đồng; (27). Hoàng T4 40.000.000 đồng; (28). Nguyễn Văn H1 40.000.000 đồng; (29). Mai Văn T5 66.000.000 đồng; (30). Nguyễn Đ 20.000.000 đồng; (31). Phạm Xuân S1 30.000.000 đồng; (32). Nguyễn Văn H2 168.000.000 đồng; (33). Nguyễn Văn L5 60.000.000 đồng; (34). Phạm H3 77.500.000 đồng; (35). Hoàng Văn V 52.500.000 đồng; (36). Mai Văn T6 42.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh Nguyễn Văn H6 ở tỉnh Quảng Bình có đơn tố cáo Hồ Sỹ T

chiếm đoạt của Anh 65.000.000 đồng, nhưng không có tài liệu chứng minh và hiện tại anh H6 đang ở Hàn Quốc nên Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Số tiền 1.997.000.000 đồng và 7.200 USD thu của 36 người, T đã chi cho Nguyễn Văn H2 () 8.000.000 đồng, còn lại 1.989.000.000 đồng và 7.200 USD T chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Quá trình điều tra, bà Đặng Thị H5 là người có 1 con chung với Hồ Sỹ T tự nguyện nộp 20.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để khắc phục hậu quả do T gây ra.

Ngày 28/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình ra Quyết định số 69, trưng cầu giám định chữ viết của Hồ Sỹ T trên “BẢN CAM KẾT VÀ THỎA THUẬN” lập ngày 19/12/2015; “*Bản cam kết*” do Hồ Sỹ T viết tay với 44 “*PHIẾU THU*” viết bằng giấy than, có ký tên Hồ Sỹ T. Tại Bản kết luận số 452 ngày 12/5/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận chữ viết đề tên Hồ Sỹ T tại các tài liệu nêu trên do cùng một người viết, ký ra.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 10/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Sỹ T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 139; các điểm b, g khoản 1 Điều 48, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đối với bị cáo Hồ Sỹ T; Xử phạt bị cáo Hồ Sỹ T 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2017 (ngày bị cáo bị tạm giữ theo Quyết định truy nã sau đó bị tạm giam). Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hồ Sỹ T.

3. Về trách nhiệm trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho các bị hại đối với bị cáo Hồ Sỹ T: Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Hồ Sỹ T phải trả lại số tiền 2.146.737.600 đồng cho 36 người bị hại, gồm:

1. Anh Nguyễn Văn L: 40.000.000 đồng.
2. Anh Nguyễn Hữu H: 67.000.000 đồng.
3. Anh Phạm Q 60.000.000 đồng.
4. Anh Nguyễn Văn L1 50.000.000 đồng.
5. Anh Nguyễn Văn L2 66.500.000 đồng.
6. Anh Nguyễn M 68.000.000 đồng.
7. Anh Phạm Văn P 66.000.000 đồng.
8. Anh Nguyễn T3 L3 67.500.000 đồng.
9. Anh Phạm Minh T 67.000.000 đồng.
10. Anh Phạm Văn N 67.000.000 đồng.

11. Anh Mai Văn T1 51.000.000 đồng.
12. Anh Phạm Văn T2 66.006.800 đồng.
13. Anh Phạm Văn Q1 60.000.000 đồng.
14. Anh Cao C 61.006.000 đồng.
15. Anh Cao D 66.000.000 đồng.
16. Anh Cao N1 61.000.000 đồng.
17. Anh Nguyễn T3 60.000.000đồng.
18. Anh Nguyễn Đ L4 81.000.000 đồng;
19. Anh Nguyễn Q2 60.000.000 đồng.
20. Anh Nguyễn D1 66.000.000 đồng.
21. Anh Cao Văn X 66.000.000 đồng.
22. Anh Cao C1 60.000.000 đồng.
23. Anh Phạm Văn S 66.000.000 đồng.
24. Anh Phạm Văn P1 35.000.000 đồng.
25. Anh Nguyễn P2 43.816.000 đồng.
26. Anh Nguyễn Văn N2 36.908.000 đồng.
27. Anh Hoàng T4 40.000.000 đồng.
28. Anh Nguyễn Văn H1 40.000.000 đồng.
29. Anh Mai Văn T5 66.000.000 đồng.
30. Anh Nguyễn Đ 20.000.000 đồng.
31. Anh Phạm Xuân S1 30.000.000 đồng.
32. Anh Nguyễn Văn H2 168.000.000 đồng.
33. Anh Nguyễn Văn L5 60.000.000 đồng.
34. Anh Phạm H3 77.500.000 đồng.
35. Anh Hoàng Văn V 52.500.000 đồng.
36. Anh Mai Văn T6 42.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị H4 để buộc bị cáo Hồ Sỹ T bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn H2. Tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 28/5/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC45) vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình để bảo đảm thi hành án theo số tiền bị cáo Hồ Sỹ T còn phải trả lại cho 36 bị hại.

5. Về án phí vụ án đối với bị cáo Hồ Sỹ T: Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; các Điều 21,23,27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hồ Sỹ T

phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải nộp 74.535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 16/10/2018, bị cáo Hồ Sỹ T kháng cáo cho rằng mức án 15 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là “quá nặng” và xin giảm một phần hình phạt để sớm trở về khắc phục hậu quả.

- Ngày 24/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn kháng cáo đề ngày 23/10/2018 của 35 người bị hại yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử tăng hình phạt với bị cáo T do chưa khắc phục được hậu quả và ủy quyền cho luật sư Hồ Lý Hải tham gia phiên tòa phúc thẩm và tại phiên Tòa luật sư Hải cho rằng: Bị cáo mới chỉ khắc phục 20.000.000 đồng so với số tiền thiệt hại gần 02 tỉ nhưng cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo và khắc phục hậu quả là không đúng vì vậy đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo,

Tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo Hồ Sỹ T tự nguyện rút đơn kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc rút kháng cáo là tự nguyện nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo.

+ Về tố tụng: Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm, các thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của 36 người bị hại với tổng số tiền 1.997.000.000 đồng và 7.200 USD là rất lớn, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 năm tù là đủ sức răn đe. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về tăng hình phạt với bị cáo;

- Những người bị hại: Đồng ý với ý kiến của Luật sư Hồ Lý Hải.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tội danh, khung hình phạt:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thừa nhận của bị cáo Hồ Sỹ T tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì có đủ cơ sở xác định: Năm 2012, Hồ Sỹ T thành lập Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S, lần thay đổi thứ 7 ngày 25/9/2015, T chuyển đổi Công ty của mình thành Công ty cổ phần Nhân lực Quốc tế B có trụ sở thuê tại nhà số 103 đường T6, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do T làm Giám đốc. Mặc dù Công ty cổ phần Quốc tế B không có chức năng và được phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, nhưng T vẫn đến tỉnh Quảng Bình đưa ra thông tin gian dối là Công ty của mình có chức năng tuyển dụng để đào tạo nghề, dạy tiếng Hàn Quốc và đưa người lao động đi đánh cá tại Hàn Quốc; chi phí mỗi người 67.500.000 đồng, trong thời gian 03 tháng, nếu không đi được thì trả lại tiền. Tin lời giới thiệu của T thì đã có nhiều người ở thôn C đến số nhà 103 đường T6, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nơi Công ty cổ phần nhân lực Quốc tế B của T thuê đặt trụ sở) nộp tiền cọc làm hồ sơ đi đánh cá tại Hàn Quốc. Để tạo lòng tin, T mua phiếu thu tiền mẫu 01-TT và C30-BB ở ngoài thị trường tự do rồi chỉ đạo nhân viên là Mai Thanh M1; Bùi Văn Sơn; Nguyễn Thị Nhung; Phạm Văn Tú viết phiếu thu tiền, T ký tên và đóng dấu Công ty; T thuê Dương Xuân T6 (ở xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) môi giới người lao động cho T, mỗi bộ hồ sơ T hứa sẽ cho Dương Xuân T6 1.000.000 đồng. Với hành vi như trên thì từ tháng 5/2015 đến tháng 8/2016 T đã thu rồi chiếm đoạt của 36 người bị hại với tổng số tiền 1.989.000.000 đồng và 7.200 USD (quy đổi 1 USD ~ 21.908 VND x 7.200 USD= 157.737.600đ), quy đổi thành tổng số tiền chiếm đoạt 2.146.737.600 đồng.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Hồ Sỹ T thực hiện trước ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành), nhưng được xét xử khi Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực thi hành nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hồ Sỹ T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (theo quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999; điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Hồ Sỹ T xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về tài sản của 36 người bị hại; gây tổn thất lớn về vật chất và tinh thần đối với nhiều người bị hại; gây tâm lý bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân làm mất ổn định trật tự, trị an ở địa phương. Tuy nhiên, tại phiên tòa do bị cáo tự nguyện rút đơn kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xét, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của những người bị hại yêu cầu tăng hình phạt.

Khung hình phạt của tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 mà bị cáo Hồ Sỹ T phạm phải có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Bị cáo phạm tội với các tình tiết tăng nặng như “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “Phạm tội nhiều lần” quy định tại các điểm b, g của Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, bị cáo “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; sau khi vụ án bị phát hiện và trong quá trình điều tra, bị cáo đã có ý kiến đề bà Đặng Thị H5 là người có 1 con chung với bị cáo

nộp 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra; cha của bị cáo là ông Hồ Sỹ Tạo năm 2002 được Bộ Văn hóa Thông tin tặng Huy chương vì sự nghiệp Văn hoá nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p của khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng. Cấp sơ xử phạt bị cáo Hồ Sỹ T 15 năm tù là nghiêm không nhẹ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; do đó, cấp phúc thẩm xét thấy các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị hại về việc tăng hình phạt.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Hồ Sỹ T; Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 10/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại yêu cầu tăng hình phạt với bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình .

1. Về hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 139; các điểm b, g khoản 1 Điều 48, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, xử phạt bị cáo Hồ Sỹ T 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2017. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hồ Sỹ T.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Hồ Sỹ T phải trả lại số tiền 2.146.737.600 đồng cho 36 người bị hại, cụ thể:

1. Anh Nguyễn Văn L: 40.000.000 đồng.
2. Anh Nguyễn Hữu H: 67.000.000 đồng.
3. Anh Phạm Q 60.000.000 đồng.
4. Anh Nguyễn Văn L1 50.000.000 đồng.
5. Anh Nguyễn Văn L2 66.500.000 đồng.
6. Anh Nguyễn M 68.000.000 đồng.

7. Anh Phạm Văn P 66.000.000 đồng.
8. Anh Nguyễn T3 L3 67.500.000 đồng.
9. Anh Phạm Minh T 67.000.000 đồng.
10. Anh Phạm Văn N 67.000.000 đồng.
11. Anh Mai Văn T1 51.000.000 đồng.
12. Anh Phạm Văn T2 66.006.800đồng.
13. Anh Phạm Văn Q1 60.000.000 đồng.
14. Anh Cao C 61.006.000 đồng.
15. Anh Cao D 66.000.000 đồng.
16. Anh Cao N1 61.000.000 đồng.
17. Anh Nguyễn T3 60.000.000đồng.
18. Anh Nguyễn Đ L4 81.000.000 đồng;
19. Anh Nguyễn Q2 60.000.000 đồng.
20. Anh Nguyễn D1 66.000.000 đồng.
21. Anh Cao Văn X 66.000.000 đồng.
22. Anh Cao C1 60.000.000 đồng.
23. Anh Phạm Văn S 66.000.000 đồng.
24. Anh Phạm Văn P1 35.000.000 đồng.
25. Anh Nguyễn P2 43.816.000 đồng.
26. Anh Nguyễn Văn N2 36.908.000 đồng.
27. Anh Hoàng T4 40.000.000 đồng.
28. Anh Nguyễn Văn H1 40.000.000 đồng.
29. Anh Mai Văn T5 66.000.000 đồng.
30. Anh Nguyễn Đ 20.000.000 đồng.
31. Anh Phạm Xuân S1 30.000.000 đồng.
32. Anh Nguyễn Văn H2 168.000.000 đồng.
33. Anh Nguyễn Văn L5 60.000.000 đồng.
34. Anh Phạm H3 77.500.000 đồng.
35. Anh Hoàng Văn V 52.500.000 đồng.
36. Anh Mai Văn T6 42.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị H4 để buộc bị cáo Hồ Sỹ T bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn H2. Tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 28/5/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC 45) vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình để bảo đảm thi

hành án theo số tiền bị cáo Hồ Sỹ T còn phải trả lại cho 36 bị hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án thì bị cáo còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; các Điều 21, 23, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc:

Bị cáo Hồ Sỹ T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 74.535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tồn